

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUYỀN MỘC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

Bản án số: **02/2021/HC-ST**

Ngày 02-7-2021

V/v khiếu kiện quyết định xử
phạt vi phạm hành chính trong
lĩnh vực đất đai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Tỉnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nga.

Ông Nguyễn Ngọc Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thành – Thư ký Tòa án nhân huyện Xuyên Mộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Rur - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 06/2020/TLST-HC ngày 30 tháng 12 năm 2020 về “*khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 02/2021/QĐST-HC ngày 03-6-2021, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Trần Văn T, sinh năm: 1955 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 6, ấp Ông Tô, xã PT, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ông T ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Bùi M, sinh năm: 1960, ông Nguyễn Đức Kh, sinh năm: 1959 và ông Lương Tuấn Kh, theo giấy ủy quyền số 3221 quyền số 01/TP/CC – SCC/HĐGD ngày 29/06/2021 của Văn phòng công chứng Chí Linh. (bà Mai, ông Khỏe có mặt, ông Khanh có đơn xin xét xử vắng mặt)

2 Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã PT, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Địa chỉ: Ấp Gò Cà, xã PT, huyện Xuyên Mộc, Bà Rịa – Vũng Tàu.

Có ông Nguyễn Văn L, chức vụ: Chủ tịch UBND xã PT, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, có mặt tham gia phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 20/9/2019 Ủy ban nhân dân (UBND) xã PT, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa

– Vũng Tàu lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 30/BB-VPHC đối với ông Trần Văn T do có hành vi lấn, chiếm diện tích 2.385m² đất thuộc thửa đất số 19 tờ bản đồ số 31 (tờ bản đồ số hóa năm 2005) tại ấp Ông Tô, xã PT, huyện Xuyên Mộc.

Ngày 30/9/2019 Chủ tịch UBND xã PT, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Quyết định số 262/QĐ-XPVPHC (viết tắt là Quyết định 262) về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Trần Văn T do đã thực hiện hành vi lấn, chiếm đất nông nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ.

Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền với mức phạt 2.000.000đồng.

Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc ông Trần Văn T khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm và trả lại đất lấn chiếm.

Do ông Trần Văn T không thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngày 26/12/2019 Chủ tịch UBND xã PT, huyện Xuyên Mộc ban hành Quyết định số 345/QĐ-CCXP (viết tắt là Quyết định số 345) về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm của ông Trần Văn T

Ngày 29/12/2020 ông Trần Văn T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên:

Hủy Quyết định số 345/QĐ-CCXP ngày 30/9/2019 Chủ tịch UBND xã PT, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Yêu cầu UBND xã PT, huyện Xuyên Mộc tiếp nhận hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo quy định. Tuy nhiên tại phiên tòa người khởi kiện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc UBND xã PT tiếp nhận hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Văn T.

Quá trình làm việc tại Tòa án sau khi biết được quyết định xử phạt hành chính 262/QĐ-XPVPHC ngày 30/9/2019 Chủ tịch UBND xã PT, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu được áp dụng đối với mình ông T và đại diện hợp pháp của ông T yêu cầu Tòa án xem xét hủy Quyết định số 262/QĐ-XPVPHC ngày 30/9/2019 Chủ tịch UBND xã PT, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án, người khởi kiện và người đại diện hợp pháp trình bày:

Về căn cứ yêu cầu khởi kiện: ông Trần Văn T cùng đại diện hợp pháp của ông T cho rằng Quyết định số: 262/QĐ-XPVPHC ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã PT, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và quyết định số 345/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm của ông Trần Văn T đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T.

Vì trong các quyết định mà Chủ tịch UBND xã PT ban hành đều cho rằng ông T canh tác và sử dụng diện tích 2.385m² đất thuộc thửa đất số 19 tờ bản đồ số 31 (tờ bản đồ số hóa năm 2005) tại ấp Ông Tô, xã PT, huyện Xuyên Mộc sử dụng lấn chiếm

đất dự án 660 do nhà nước quản lý nên ban hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế là không đúng vì những lý do sau.

Nguồn gốc các thửa đất này là từ năm 1990, gia đình ông T vào trú tại Bến Khi, xã Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Đồng Nai (sau này là ấp Bến Cát, nay là ấp Ông Tô, xã PT, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu) khai hoang làm đùng nuôi tôm, trồng cây ăn trái và một số cây lâu năm, đến năm 1997 thì gia đình ông T được cấp hộ khẩu. Từ thời điểm khai phá, sử dụng, canh tác liên tục đến nay không tranh chấp với bất kỳ ai và cũng đã chấp hành nghĩa vụ thuế nhà nước, có biên lai thuế. Vào tháng 5-2002 UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ra quyết định “*Kết thúc và giải thể Ban quản lý dự án 660 Bến Cát Lộc An*” sau đó ông Trần Văn T vẫn tiếp tục sử dụng đất nhưng Ủy ban nhân dân xã PT vẫn cho rằng diện tích của các thửa đất số 19 tờ bản đồ số 31 xã PT thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã PT để Chủ tịch xã ban hành quyết định xử phạt hành chính đối với ông T là không đúng quy định của pháp luật.

Theo Quyết định số 1979/QĐ.UBT ngày 23/8/1996, của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc phê duyệt Dự án ổn định dân di cư tự do vùng Bến Cát, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo chỉ thị 660/TTG của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là dự án 660) đã nêu là “*ổn định dân di cư tự do vùng Bến Cát và số hộ để ổn định là 450 hộ dân di cư tự do trong đó có 377 hộ còn khó khăn...*” và cũng tại Công văn số 43/CV.UBH ngày 23/2/1998, của UBND huyện Xuyên Mộc nêu rõ “*giao UBND xã PT quản lý Toàn bộ diện tích đã được quy hoạch. Hiện trong khu quy hoạch đã có 19 hộ dân sinh sống. Để quản lý, UBND xã tiến hành ngay việc xác định diện tích đất của từng hộ, tài sản, cây lâu năm, hoa màu trên đất, sổ hộ khẩu từng hộ. Kiên quyết không để phát sinh hộ mới, khẩu mới*”; Tại Biên bản xét nguồn gốc sử dụng đất các hộ ấp Bến Cát, xã PT do UBND xã PT lập ngày 15/5/2013 cũng nêu rõ về nguồn gốc khai phá từ năm 1986 của các Hộ dân trên địa bàn khu vực ấp Bến Cát.

Tại Văn bản số 1260/UBND-VP của UBND huyện Xuyên Mộc ban hành ngày 10/8/2011 về việc xin chủ trương công nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho 19 hộ dân ấp Bến Cát, xã PT cũng nêu rõ từ trước 1986 các Hộ dân đã đến khai phá, làm nhà sinh sống ổn định và cải tạo đất thành đùng nuôi thủy sản, lộc vùng, trồng cây lâu năm trong đó có ông T.

Chính vì vậy phía người bị kiện cho rằng ông T chấp nhận hoán đổi toàn bộ diện tích đất khai phá để nhận 01 nền nhà với diện tích 200m² là không đúng vì 19 hộ dân nhận được cấp 200m² đất ở là do đủ điều kiện nhận đất ở ổn định theo Chủ trương của Dự án ổn định dân di cư tự do theo chỉ thị 660/TTG của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1979/QĐ.UBT ngày 23/8/1996, của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, (người có đất khai hoang hay không có đất khai hoang đều nhận được 01 nền nhà 200m² để ổn định cuộc sống theo diện dân di cư).

Các hộ dân hoàn toàn không ký cam kết hay lập bất kỳ văn bản nào về việc hoán đổi diện tích đất khai phá để đổi lấy 200m² đất như phía người bị kiện đã nêu ra, nên

nguồn gốc khu đất mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã PT cho rằng ông T lấn chiếm là không đúng mà do ông T tự khai phá từ năm 1986 tức là trước khi thành lập HTX Muối cho đến khi HTX Muối bị giải thể hơn nữa theo Biên bản thanh lý tài sản của HTX thì phần diện tích sân phơi muối của HTX chỉ có 1,1ha một phần diện tích rất nhỏ so với tổng diện tích của các Hộ dân khai phá trong đó có ông T và cũng theo Biên bản xử lý tài sản và nợ vay của HTX Muối Lộc An xã Phước Bửu lập ngày 14/3/1994 có sự xác nhận của UBND huyện Xuyên Mộc ngày 15/3/1994 và bản đồ khu vực HTX Muối được kèm theo văn bản này, thì diện tích đất của các Hộ dân nằm ngoài khu vực HTX Muối và diện tích khai hoang của các Hộ dân lớn hơn rất nhiều so với diện tích của HTX Muối được nêu trong Biên bản xử lý tài sản.

Từ đó khẳng định, diện tích đất khai phá và sử dụng của ông Trần Văn T là đất có nguồn gốc khai phá từ năm 1986 trước khi thành lập HTX Muối, ở ổn định, cải tạo sử dụng, đóng thuế hàng năm cho đến năm 2012 và phần diện tích đất của ông T nằm trong qui hoạch dự án 660 nhưng hoàn toàn nằm ngoài Khu vực đưng Muối theo sơ đồ vị trí của HTX Muối,

Vì vậy, việc ông T xây dựng hàng rào bảo vệ ranh đất và dựng nhà để chăn nuôi, trồng trọt giữ đất là hoàn toàn chính đáng. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc tuyên xử buộc Chủ tịch UBND xã PT huỷ bỏ hoặc thu hồi tất cả các quyết định xử lý vi phạm hành chính và các quyết định cưỡng chế đối với đất của các hộ dân trên. Kính mong Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc xem xét và giải quyết.

Theo bản tự khai đề ngày 23/4/2021 cũng như các biên bản làm việc tiếp theo tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay người bị kiện trình bày như sau:

Chủ tịch UBND xã PT không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Trần Văn T vì những nội dung sau:

Căn cứ đề Chủ tịch UBND xã PT, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Quyết định 262 về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Trần Văn T là do ông T đã thực hiện hành vi chiếm đất nông nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ và Điều 12 Luật đất đai năm 2013.

Về trình tự ban hành các quyết định: Các Quyết định hành chính do Chủ tịch UBND xã PT ban hành là đúng về trình tự, thủ tục theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 102/2014/NĐ-CP của Chính Phủ

Về nội dung: Dự án số 660 được Nhà nước thành lập, mặc dù dự án số 660 đã kết thúc nhưng thửa đất số 19 tờ bản đồ số 31 xã PT, huyện Xuyên Mộc mà ông Trần Văn T chiếm thì vẫn thuộc quyền quản lý của Nhà nước, do đó việc ông T sử dụng đất đã vi phạm về đất đai của Nhà nước do đó Chủ tịch UBND xã PT ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật. Hiện nay diện tích đất thuộc dự án số 660 đang được tiến hành để làm khu dân cư. Đối các các hóa đơn đóng thuế mà ông Trần Văn T cung cấp cho tòa án nhưng trong các hóa đơn này không thể

hiện về diện tích, cũng như số tờ, số thửa cụ thể.

Khi dự án 660 giải thể thì không có Quyết định thu hồi đất nhưng thực tế thì khi ông T sử dụng cũng không được Nhà nước giao đất cho ông T.

Về nguồn gốc đất của ông T trước đây là có một phần của Hợp tác xã sản xuất muối (Hiện nay Hợp tác xã muối đã giải thể), có thể chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Xuyên Mộc, sau đó HTX làm ăn thua lỗ nên Ngân hàng phát mãi số đất này, UBND xã Phước Bửu (cũ) chuộc về và quản lý diện tích đất, còn lại một phần thuộc dự án 660, vì từ năm 1996-1998 UBND tỉnh có Quyết định thành lập dự án 660 trên diện tích khoảng 25ha, UBND xã PT đã thành lập ban quản lý dự án dân di cư tự do (ban quản lý dự án 660) Ban quản lý tiến hành họp dân, đối với khoảng 19 hộ sinh sống rải rác trên diện tích 25ha trên được Ban quản lý dự án vận động để vào làng cá và Ban quản lý giao cho mỗi hộ 01 lô đất ở khoảng 200m² qua hình thức bốc thăm trong đó có ông T, đối với phần đất này thì ông T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất còn lại thì các hộ dân giao cho ban quản lý dự án, đồng thời Ban quản lý dự án đã tiến hành san lấp và làm đường đi bao quanh. Sau khi dự án ngừng thi công vào năm 2002 thì phần diện tích này được giao cho UBND xã PT quản lý, tuy nhiên không có Quyết định giao đất nhưng UBND xã là cơ quan tiếp quản. Đến năm 2020 thì Chủ tịch UBND huyện Xuyên Mộc đã có Quyết định giao toàn bộ diện tích đất công cho UBND xã PT trong đó có diện tích đất ông T.

Từ khi được giao đất để sinh sống thì ông T đã bàn giao lại diện tích cho Ban quản lý dự án. Tuy nhiên đến năm 2019 thì ông T mới tiến hành lấn chiếm lại bằng cách rào đất. Vì vậy diện tích đất ông T chiếm là đất công. Về mặt hồ sơ địa chính đã thể hiện toàn bộ diện tích đất trên được thể hiện tại bản đồ địa chính năm 2000 và tờ bản đồ địa chính năm 2005 và sổ mục kê qua các năm đều thể hiện phần diện tích đất của ông T chiếm là của dự án số 660 và do Nhà nước quản lý, theo Điều 12 Luật đất đai năm 2013 quy định “Nghiêm cấm hành vi lấn, chiếm hủy hoại đất đai”

Từ năm 2015 đến 2017 UBND huyện Xuyên Mộc và UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có đề án rà soát đất công để đưa vào đề án khai thác, quản lý theo quy định. Đến năm 2019 UBND tỉnh có Quyết định về việc thống nhất quản lý đất công và năm 2020 UBND huyện Xuyên Mộc có xây dựng đề án quản lý đất công Quyết định giao cho từng xã trong huyện về việc quản lý đất công theo quy định, trong đó có khu vực đất mà ông T đang sử dụng.

Từ những lý do nêu trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã PT không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T.

* Kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại cũng như tại phiên tòa, các đương sự không tranh chấp về tài liệu chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án; không yêu cầu đề nghị xác minh, thu thập bổ sung chứng cứ.

Tại phiên tòa:

- Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Người bị kiện vẫn giữ nguyên Quyết định hành chính.

Đại diện VKSND huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu quan điểm về vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung: các Quyết định số: 262/QĐ-XPVPHC ngày 30 tháng 9 năm 2019 về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và Quyết định số: 345/QĐ-CCXP ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã PT, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trần Văn T ban hành vượt quá thẩm quyền xử phạt hành chính phạt nên phải hủy 02 Quyết định hành chính nêu trên. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính chấp nhận đơn khởi kiện của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người khởi kiện cùng đại diện hợp pháp rút yêu cầu khởi kiện đối với nội dung yêu cầu Tòa án buộc “UBND xã PT, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tiếp nhận hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ông T” xét thấy việc rút yêu cầu đối với nội dung này là phù hợp nên căn cứ vào Điều 173 Luật Tố tụng hành chính Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của ông Trần Văn T.

[2] Về xác định đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Ông Trần Văn T khởi kiện Quyết định số 345/QĐ-CCXP ngày 26/12/2019 của Chủ tịch UBND xã PT, huyện Xuyên Mộc, quá trình tham gia tố tụng người bị kiện giao nộp quyết định xử phạt hành chính số 262 và người khởi kiện cũng như đại diện theo ủy quyền yêu cầu Tòa án xem xét tính hủy quyết định xử phạt hành chính số 262, nên Quyết định số 262 và quyết định 345 là đối tượng khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc theo khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 29/12/2020 ông T có đơn khởi kiện đối với Quyết định số 345/QĐ-CCXP ngày 26/12/2019 của Chủ tịch UBND xã PT, huyện Xuyên Mộc và quá trình giải quyết vụ án người bị kiện mới giao nộp quyết định xử phạt hành chính số 262 nên ông T yêu cầu Tòa án hủy quyết định số 262 là còn trong thời hiệu khởi kiện theo điểm a khoản 1 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[4]. Về tính hợp pháp có căn cứ của Quyết định số 262 và Quyết định số 345 của Chủ tịch UBND xã PT, huyện Xuyên Mộc

[4.1] . Về trình tự, thủ tục

Vào lúc 14 giờ 00 phút, ngày 20/9/2019 Ủy ban nhân dân (UBND) xã PT, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 29/BB-VPHC đối với ông Trần Văn T xác định ông T có hành vi “*Chiếm đất nông nghiệp do Nhà nước quản lý để sử dụng vào mục đích nông nghiệp với diện tích 2.385m² đất thuộc thửa đất số 19 tờ bản đồ số 31 (tờ bản đồ số hóa năm 2005) tại ấp Ông Tô, xã PT, huyện Xuyên Mộc, thời gian thực hiện tháng 4/2019*”, tuy ông T không ký vào biên bản vi phạm hành chính nhưng đã có 02 người làm chứng, ngày 24/9/2019 Ủy ban nhân dân xã PT lập biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số 06/BB-XM với nội dung: xác định ông Trần Văn T có hành vi lấn chiếm đất như biên bản số 26/BB-VPHC bằng những tình tiết xác minh cụ thể như biên bản vi phạm hành chính ngày 20/9/2019.

Ngày 30/9/2019 Chủ tịch UBND xã PT, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Quyết định số 262 về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai với diện tích diện tích 2.385m² đất thuộc thửa đất số 19 tờ bản đồ số 31 xã PT, huyện Xuyên Mộc đối với ông Trần Văn T do đã thực hiện hành vi lấn, chiếm đất nông nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ là còn trong thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai theo quy định tại Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính.

[4.2] Về thời hạn ban hành quyết định xử phạt hành chính, sau khi lập biên bản vi phạm hành chính vào ngày 20/9/2019 ông T không ký vào biên bản, quá trình làm việc thì đại diện Ủy ban nhân dân xã PT tiến hành làm việc, xác minh thêm tình tiết của sự việc, cho thấy sự việc không thuộc trường hợp phải giải trình theo quy định tại Điều 61 Luật xử lý vi phạm hành chính nhưng có tính chất phức tạp, sau khi lập biên bản Ủy ban nhân dân xã PT phải tiến hành các thủ tục xác minh thông tin, nguồn gốc đất, đương sự lại không phối hợp, nên sau 10 ngày Chủ tịch ủy ban nhân dân xã PT mới ban hành Quyết định xử phạt hành chính là phù hợp với Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính.

[4.3] Về thẩm quyền và nội dung ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

Diện tích diện tích 2.385m² đất thuộc thửa đất số 19 tờ bản đồ số 31 xã PT, huyện Xuyên Mộc, theo hồ sơ địa chính do nhà nước quản lý gồm sổ mục kê năm 2000 và 2005 cũng như bản đồ địa chính được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thể hiện và kết quả xem xét thẩm định tại chỗ cho thấy, sổ mục kê năm 2000 tên chủ sử dụng đất là “Quy hoạch khu dân cư” có mục đích sử dụng là đất thổ cư.

Quá trình giải quyết vụ án các bên đều đưa ra những chứng cứ để chứng minh cho ý kiến của mình là đúng, phía người khởi kiện cho rằng phần 2.385m² đất thuộc

thửa đất số 19 tờ bản đồ số 31 xã PT do ông T khai phá từ năm 1986 sử dụng liên tục, có kê khai và đóng thuế cho nhà nước, sau này Nhà nước có chủ trương thành lập dự án ổn định dân cư tự do theo chỉ thị 660/TTG của Thủ tướng chính phủ và quyết định số 1979/QĐ.UBT ngày 23/8/1996 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thì các hộ dân khai hoang trong đó có ông T đã chấp hành để phần đất khai hoang này làm dự án, chứ không phải là đổi đất đã khai hoang để lấy 01 nền thổ cư diện tích 200m² vì bản thân các hộ này trong đó có ông T đều đủ điều kiện cấp đất thổ cư, nay dự án 660 đã giải thể thì đất của những người này phải trả lại cho họ để sử dụng. Phía người bị kiện xác định các thửa đất ông T lấn chiếm này thuộc dự án 660, sau này dự án giải thể thì thuộc Nhà nước quản lý, theo hồ sơ địa chính hiện nay thì đất này quy hoạch khu dân cư đang do Nhà nước trực tiếp quản lý.

Xét ý kiến người khởi kiện cho thấy, diện tích 2.385m² đất thuộc thửa đất số 19 tờ bản đồ số 31 xã PT hiện nay người khởi kiện bao chiếm bằng dây thép gai và cọc bên tông, tiến hành trồng các loại cây nông nghiệp và một số cây mọc hoang, trước đây có một phần của hợp tác xã muối, sau này hợp tác xã muối giải thể vẫn do nhà nước quản lý, phần còn lại của dự án 660, sau này dự án 660 kết thúc vẫn do nhà nước quản lý, chưa giao đất cho cá nhân tổ chức nào sử dụng, phía ông T cho rằng mình là người khai hoang, có đóng thuế nhà đất nhưng cũng không xác định được đóng thuế cho những thửa đất nào, việc khai hoang không các giấy tờ như chứng nhận khai hoang, hiện nay cũng không có chứng cứ gì thể hiện mình là chủ sử dụng đất hợp pháp từ năm 1986 đến nay nên không có cơ sở khẳng định thửa đất trên thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của ông T, vì vậy hiện nay bao chiếm và trồng cây trên đất của nhà nước quản lý nên cơ quan chức năng lập biên bản vi phạm hành chính và xác định có hành vi lấn chiếm đất là đúng.

Hành vi vi phạm vào thời điểm tháng 9/2019 nên cơ quan chức năng áp dụng nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 để xác định hành vi vi phạm và xử lý vi phạm đối với ông T là đúng, tuy nhiên Hội đồng xét xử nhận thấy khi lập biên bản vi phạm hành chính và ban hành quyết định xử phạt hành chính đối với thửa đất số 19 tờ bản đồ số 31 xã PT là đất thổ cư nhưng công chức lập biên bản vi phạm hành chính lại xác định ông Trần Văn T có hành vi “*Chiếm đất nông nghiệp do Nhà nước quản lý để sử dụng vào mục đích nông nghiệp...*” là không đúng với loại đất lấn chiếm, lý giải vấn đề này người bị kiện cho rằng do không muốn phạt người dân ở mức cao nên mới lập biên bản về hành vi lấn chiếm đất nông nghiệp để phạt cho nhẹ là không phù hợp với bản chất của sự việc và thẩm quyền xử phạt, bởi vì hành vi vi phạm của người khởi kiện phải xem xét xử phạt ở khoản 3 Điều 10 Nghị định 102/2014/NĐ-CP “*Phạt tiền từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ đối với hành vi lấn chiếm đất ở*” nhưng Chủ tịch xã PT lại cho rằng người vi phạm chỉ vi phạm khoản 1 Điều 10 của nghị định này để ban hành quyết định xử phạt với mức hình phạt chính là 2.000.000đ kèm theo các biện pháp khắc phục hậu quả là “buộc trả lại đất lấn chiếm” là không đúng thẩm quyền theo quy định

tại khoản 1 Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 1 Điều 31 của Nghị định 102/2014/NĐ-CP, hơn nữa khi áp dụng hình phạt bổ sung “*buộc trả lại đất lấn chiếm*” phải thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện mới đúng với khoản 1 Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính và điểm đ khoản 2 Điều 31 của Nghị định 102/2014/NĐ-CP nên việc Chủ tịch xã PT ban hành Quyết định xử phạt hành chính số 262/QĐ-XPVPHC ngày 30/9/2019 đối với ông Trần Văn T là không đúng thẩm quyền, do đó cũng không có căn cứ ban hành quyết định 345/QĐ-CCXP ngày 26/12/2019 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trần Văn T.

Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, hủy Quyết định xử phạt hành chính số 262 và Quyết định số 345 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã PT, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí hành chính sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2014/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì Chủ tịch UBND xã PT, huyện Xuyên Mộc phải nộp 300.000đ. Ông Trần Văn T được trả lại tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 173; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng Hành chính; Áp dụng Điều 12 Luật đất đai năm 2013; Căn cứ khoản 1 Điều 38; khoản 1 và khoản 2 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Điều 10, Điều 31 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 11/10/2014 của Chính Phủ;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T về việc buộc Ủy ban nhân dân xã PT tiếp nhận hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T.

- Hủy Quyết định số 262/QĐ-XPVPHC ngày 30/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã PT, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, về việc xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Trần Văn T;

- Hủy Quyết định số 345/QĐ-CCXP ngày 26/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã PT, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trần Văn T.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã PT, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phải nộp 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm. Ông Trần Văn T được trả lại số tiền

300.000đ án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0009043 ngày 29/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt thời hạn tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện XM;
- Tòa án tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Tỉnh

